

PHỤ LỤC II: BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THEO YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN NHI HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVNNH ngày tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Nhi Hà Nội về việc ban hành giá dịch vụ theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Nhi Hà Nội)

DVT: đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ45/2024	Giá bảo hiểm chi trả theo TT13/2020-TT-BYT	Chênh lệch giá DV-giá bảo hiểm chi trả theo TT13	Ghi chú
1	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
2	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
3	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
4	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
5	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
6	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
7	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
8	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
9	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
10	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	1.900.000	23/08/2025	1.486.800	550.100	1.349.900	
11	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
12	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
13	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
14	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
15	Chụp CLVT mạch máu não (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
16	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
17	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
18	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
19	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
20	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
21	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
22	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
23	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
24	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
25	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	567.600	
26	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
27	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
28	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
29	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
30	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.300.000	23/08/2025	1.732.400	663.400	1.636.600	
31	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Giá BHYT theo NQ45/2024	Giá bảo hiểm chi trả theo TT13/2020-TT-BYT	Chênh lệch giá DV-giá bảo hiểm chi trả theo TT13	Ghi chú
32	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dãy)	Lần	Bán lẻ	2.400.000	23/08/2025	1.732.400	1.732.400	667.600	
33	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	3.500.000	23/08/2025	3.201.400	550.100	2.949.900	
34	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	Bán lẻ	4.500.000	23/08/2025	3.493.600	663.400	3.836.600	

2. Mức giá trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (Do dịch vụ khám bệnh chữa bệnh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng).